

Bản án số 98/2023/KDTM-PT
Ngày 29-8-2023
V/v Tranh chấp giữa thành viên
công ty với công ty

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 47/2022/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty”.

Do Bản án sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1607/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1968/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ Đ (Theo giấy ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2016, số công chứng 2016/UQ, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Thủ Thiêm) (có mặt);

2. Bà Trần Thị Thu T2, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ Đ (Theo giấy ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2016, số công chứng 2016/UQ, quyền số 07/ TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Thủ Thiêm) (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X;

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T3 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1942 (có mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Thành V, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1942 (có mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Trần Ngọc M1, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Trần Thị X1, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Trần Hữu T4, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 175, Xa lộ H, KP 1, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị M là chủ sử dụng đối với 958,1m² đất thuộc thửa 506 tờ bản đồ số 64 phường T Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số AĐ 385454 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Quận 2 cấp ngày 28/02/2006. Nay đã chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp đổi thành GCNQSDĐ số CH 03354 ngày 30/9/2016 với diện tích đất ở là 495m² và đất trồng cây lâu năm là 463,1m².

Bà Trần Thị Thu T2 là chủ sử dụng đối với 929,3m² đất thuộc thửa 505 tờ bản đồ số 64 phường T Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNQSDĐ số AĐ 385198 do UBND Quận 2 cấp ngày 28/02/2006. Nay đã chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp đổi thành GCNQSDĐ số CH 03353 ngày 30/9/2016 với diện tích đất ở là 495m² và đất trồng cây lâu năm là 433,2m².

Ngoài ra, các nguyên đơn và các anh em trong gia đình còn là đồng sở hữu quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.150,8m² thuộc thửa 507, tờ bản đồ số 64 theo GCNQSDĐ số H00696 do UBND Quận 2 cấp ngày 09/01/2007 loại đất trồng cây lâu năm.

Do phần đất của gia đình nguyên đơn nằm dọc hành lang Xa lộ H và thuộc nhiều quy hoạch do vậy gia đình nguyên đơn quyết định thành lập Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X gồm các thành viên là anh em trong nhà ký hợp đồng góp vốn đưa toàn bộ phần đất của các anh em trong gia đình vào góp vốn trong Công ty nêu trên với mục đích ghi trên giấy tờ là triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu phức hợp thương mại – văn phòng và căn hộ cao cấp nhưng mục đích chính là để tránh trường hợp Nhà nước thu hồi đất để giao cho các dự án khác. Thực tế Công ty hoàn toàn không có bất cứ hoạt động kinh doanh nào cũng như không có giấy phép thực hiện dự án như trong hợp đồng ghi nhận.

Căn cứ nội dung giấy đăng ký kinh doanh số 0309391408 cấp lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2009 và thay đổi lần 2 ngày 05 tháng 7 năm 2011 ghi nhận bà Trần Thị M sở hữu giá trị vốn góp là 68.625.900.000 (sáu mươi tám tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm nghìn) đồng chiếm tỷ lệ 10% vốn góp nhưng thực tế bà M không góp bất cứ giá trị tiền bạc cũng như quyền sử dụng đất cũng không được sang tên góp vốn cho Công ty. Tương tự trường hợp của bà Trần Thị Thu T2 được ghi nhận sở hữu giá trị vốn góp là 68.625.900.000 (sáu mươi tám tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm nghìn) đồng chiếm tỷ lệ 10% vốn góp nhưng thực tế cũng không góp vốn bằng tiền mặt và cũng không sang tên góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Căn cứ Điều 18 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật Doanh Nghiệp và Điều 48 Luật Doanh Nghiệp năm 2014 thì nguyên đơn bà M và bà T2

không còn là tư cách thành viên trong Công ty do không góp vốn nhưng Công ty cũng không thông báo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư về tư cách thành viên của nguyên đơn đã chấm dứt làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 168, Điều 439, Điều 692 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 46 Luật Đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quyền sử dụng đất của các thành viên công ty chưa được đăng bộ sang tên sở hữu cho Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Do đó nguyên đơn bà M và bà T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề sau:

1. Không công nhận các nguyên đơn Trần Thị M và Trần Thị Thu T2 là thành viên góp vốn Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X vì Công ty không hoạt động, không có giấy phép thực hiện dự án và thực tế nguyên đơn cũng không thực hiện việc góp vốn vào Công ty khi hết thời hạn thực hiện góp vốn theo quy định pháp luật.

2. Hủy hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất công chứng số 000000599 ngày 04/3/2010 của Văn phòng Công chứng Thủ Đức vì lý do các nguyên đơn không còn là thành viên của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X và mục đích của việc góp vốn là không có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng Bị đơn - Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T3, ông Trần Thành V, ông Trần Văn Q, bà Trần Ngọc M1, bà Trần Thị X1, ông Trần Hữu P và ông Trần Hữu T4 tuy biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đều không đến tòa cũng như không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 về việc yêu cầu Tòa án không công nhận bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

2- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 về việc yêu cầu Hủy một phần hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số công chứng 000000599 ngày 04/3/2010 tại Văn phòng

Công chứng Thủ Đức vì lý do nguyên đơn không còn là thành viên của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/11/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 đề nghị hủy án, yêu cầu Tòa án giải quyết án theo quy định pháp luật.

Ngày 24/11/2022 ông Nguyễn Vũ Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T2 rút đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết phần kháng cáo của bà M.

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự cung cấp bản chính Biên bản họp của Hội đồng thành viên ngày 12/3/2023 của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X có 80% thành viên đồng ý gồm có: Bà Nguyễn Thị T3 – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty sở hữu 30% vốn điều lệ; Bà Trần Ngọc M1, Bà Trần Thị X1, ông Trần Hữu P, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Thu T2, mỗi thành viên sở hữu 10% vốn điều lệ. 100% thành viên tham gia họp hoàn toàn đồng ý với việc thu hồi hủy bỏ các biên bản, các quyết định và chấm dứt hợp đồng liên quan đầu tư xây dựng dự án cao tốc có chức năng phục hợp Trung tâm Thương mại – Văn phòng và Căn hộ tọa lạc tại số 175, Xa lộ H, phường T, Quận 2 (nay là thành phố T1), Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X đăng ký làm chủ đầu tư và hoàn toàn đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị T3 – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng giám đốc – người đại diện theo quy định pháp luật làm đại diện cho Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X làm việc với cơ quan chức năng để triển khai thực hiện ban hành các quyết định hủy các biên bản, các quyết định và chấm dứt Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số 000000599 ngày 04/3/2010 theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Vũ Đ đại diện cho nguyên đơn bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X, đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Hủy hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số công chứng 000000599 ngày 04/3/2010 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức chứng thực giữa các bên góp vốn là Nguyễn Thị T3, Trần Thành V (do bà Nguyễn Thị T3 giám hộ); Trần Văn Q; Trần Hữu T4, Trần Thị Thu T2 với Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Ông Nguyễn Vũ Đ đại diện cho nguyên đơn bà Trần Thị Thu T2 trình bày:
Thống nhất ý kiến ông đại diện cho bà M trình bày.

Bà Nguyễn Thị T3, Trần Thành V (do bà Nguyễn Thị T3 giám hộ); ông Trần Văn Q, bà Trần Ngọc M1, bà Trần Thị X1 đồng ý ý kiến ông Đ trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/8/2023, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Vũ Đ đại diện cho nguyên đơn bà Trần Thị M, bà Trần Thị Thu T2 rút yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Ông Nguyễn Vũ Đ đại diện cho nguyên đơn bà Trần Thị M rút yêu cầu kháng cáo về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Hủy hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số công chứng 000000599 ngày 04/3/2010 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức chứng thực giữa các bên góp vốn là Nguyễn Thị T3, Trần Thành V (do bà Nguyễn Thị T3 giám hộ); Trần Văn Q; Trần Hữu T4, Trần Thị Thu T2 với Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn - bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà nguyên đơn bà M và bà T2 đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0031742 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Trần Thị M tự nguyện chịu là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng ông Nguyễn Vũ Đ là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003692 ngày 12/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Đ đại diện cho bà M, bà T2 rút yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X và yêu cầu kháng cáo của bà M về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X. Đề nghị Hội đồng xét

xử hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ việc giải quyết vụ án về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Hủy hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số công chứng 000000599 ngày 04/3/2010 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức chứng thực giữa các bên góp vốn là Nguyễn Thị T3, Trần Thành V (do bà Nguyễn Thị T3 giám hộ); Trần Văn Q; Trần Hữu T4, Trần Thị Thu T2 với Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ đại diện cho bà M, bà T2 rút yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X và yêu cầu kháng cáo của bà M về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X. Bị đơn đồng ý. Trong vụ án không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử hủy một phần Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ việc giải quyết vụ án về việc không công nhận bà M và bà T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Hủy hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số công chứng 000000599 ngày 04/3/2010 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức chứng thực giữa các bên góp vốn là Nguyễn Thị T3, Trần Thành V (do bà Nguyễn Thị T3 giám hộ); Trần Văn Q; Trần Hữu T4, Trần Thị Thu T2 với Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn - bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà nguyên đơn bà M và bà T2 đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0031742 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Trần Thị M tự nguyện chịu là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng ông Nguyễn Vũ Đ là đại diện ủy quyền của bà Trần Thị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003692 ngày 12/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ việc giải quyết vụ án về việc không công nhận bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 là thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1991/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Hủy hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số công chứng 000000599 ngày 04/3/2010 tại Văn phòng Công chứng Thủ Đức chứng thực giữa các bên góp vốn là Nguyễn Thị T3, Trần Thành V (do bà Nguyễn Thị T3 giám hộ); Trần Văn Q; Trần Hữu T4, Trần Thị Thu T2 với Công ty TNHH Thương mại Kinh doanh bất động sản X.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn - bà Trần Thị M và bà Trần Thị Thu T2 tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà nguyên đơn bà M và bà T2 đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0031742 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Trần Thị M tự nguyện chịu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) ông Nguyễn Vũ Đ là đại diện ủy quyền của bà Trần Thị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003692 ngày 12/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương